

Số: 191/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về Quy trình rà soát, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ thuộc Dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển

kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Trường Ban Dân tộc và Tôn giáo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Quy trình rà soát, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ thuộc Dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. (Kèm theo Quy định)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trường Ban Dân tộc và Tôn giáo; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: như

- Như Điều 3;
- Ủy ban Dân tộc (để báo cáo);
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (T).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thanh Duy

QUY ĐỊNH

Quy trình rà soát, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ thuộc Dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

(Kèm theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về Quy trình rà soát, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ thuộc Dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

2. Nguyên tắc thực hiện

- Việc rà soát, lựa chọn đối tượng thụ hưởng phải đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ từ cơ sở, đúng đối tượng, đúng định mức, không chồng chéo, có sự tham gia, ý kiến thống nhất của người dân và cộng đồng nơi bình xét.

- Ưu tiên lựa chọn các đối tượng khó khăn hơn như: Hộ dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù (dân tộc Khmer); đối tượng là nữ dân tộc thiểu số; đối tượng thuộc nhóm bị ảnh hưởng bởi thiên tai trên địa bàn.

3. Đối tượng, phạm vi và thứ tự ưu tiên

3.1. Đối tượng, phạm vi: Hộ dân tộc thiểu số nghèo trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Thứ tự ưu tiên

- Hộ dân tộc thiểu số nghèo có khó khăn đặc thù (dân tộc Khmer) có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật);

- Hộ dân tộc thiểu số nghèo có khó khăn đặc thù (dân tộc Khmer) có thành viên là người có công với cách mạng;

- Hộ dân tộc thiểu số nghèo có khó khăn đặc thù (dân tộc Khmer) do phụ nữ làm chủ hộ;

- Hộ dân tộc thiểu số nghèo có khó khăn đặc thù (dân tộc Khmer);

- Hộ dân tộc thiểu số nghèo;

- Các đối tượng lại theo quy định.
- Trường hợp cùng một thứ tự ưu tiên, chọn hộ có nhiều ưu tiên hơn.
- Các trường hợp cùng một thứ tự ưu tiên khác, do Ủy ban nhân dân xem xét trên cơ sở tình hình thực tế, hoàn cảnh gia đình, các tiêu chí khác để cân nhắc, quyết định. Việc xem xét, lựa chọn, quyết định phải được ghi nhận trong biên bản làm việc và nêu rõ lý do.

II. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Hỗ trợ đất ở

- Đối tượng: Hộ dân tộc thiểu số nghèo trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ chưa có đất ở và có nhu cầu hỗ trợ.

- Nội dung thực hiện: Theo Điều 5, Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

2. Hỗ trợ nhà ở

- Đối tượng: Hộ dân tộc thiểu số nghèo trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng và có nhu cầu hỗ trợ.

- Nội dung thực hiện: Theo Điều 7, Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

3. Hỗ trợ chuyển đổi nghề

- Đối tượng: Hộ dân tộc thiểu số nghèo trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp chưa có đất sản xuất hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo quy định của tỉnh, có nhu cầu chuyển đổi nghề.

- Nội dung thực hiện: Theo Khoản 2, Điều 9, Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

4. Hỗ trợ nước sinh hoạt

a) Nước sinh hoạt phân tán

- Đối tượng: Hộ dân tộc thiểu số nghèo trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ có khó khăn về nước sinh hoạt và có nhu cầu hỗ trợ.

- Nội dung thực hiện: Theo Khoản 1, Điều 11, Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

b) Nước sinh hoạt tập trung

- Đối tượng: Địa bàn các xã vùng đồng bào DTTS&MN theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ theo quy

định tại khoản 2, Điều 10, Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc có nhu cầu hỗ trợ đầu tư công trình nước sinh hoạt tập trung.

- Nội dung thực hiện: Theo Khoản 2, Điều 11, Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

III. QUY TRÌNH RÀ SOÁT, PHÊ DUYỆT DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, CÔNG TRÌNH THỤ HƯỞNG CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

*** Tại khóm, ấp**

1. Bước 1: Hằng năm, công chức được giao nhiệm vụ rà soát, tổng hợp danh sách hộ thụ hưởng cấp xã phối hợp với Trưởng khóm, ấp tổ chức Họp để phổ biến nội dung các chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất/chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg và Thông tư số 02/2022/TT-UBND đến các hộ dân và lập danh sách các hộ có nhu cầu hỗ trợ theo phụ lục số 02.

Nếu tỉnh không có quỹ đất để hỗ trợ đất sản xuất thì các hộ không có hoặc thiếu đất sản xuất chỉ thực hiện hỗ trợ chuyển đổi nghề.

2. Bước 2: Trên cơ sở danh sách hộ có nhu cầu hỗ trợ, Trưởng khóm, ấp chủ trì, tổ chức Họp bình xét, thống nhất kết quả rà soát danh sách các hộ có nhu cầu hỗ trợ:

- Thành phần Họp: Trưởng khóm/ấp (chủ trì cuộc họp), Bí thư chi bộ khóm/ấp; đại diện tổ chức đảng, đoàn thể khóm/ấp và đại diện các hộ nghèo DTTS trong khóm/ấp (*đảm bảo ít nhất 2/3 số hộ tham dự*); công chức chuyên môn cấp xã phụ trách lĩnh vực và mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Thực hiện lấy ý kiến thống nhất về danh sách các hộ có nhu cầu hỗ trợ chính sách về nhà ở, đất ở, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán.

Yêu cầu: Hộ được đưa vào danh sách đề nghị hỗ trợ phải được trên 50% số người tham dự cuộc họp đồng ý bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; trường hợp, tỷ lệ bình xét thấp hơn 50% thì được phép thực hiện bình xét lại thêm 01 lần.

- Kết quả: Trưởng khóm/ấp lập hồ sơ kết quả cuộc họp thành 02 bộ: 01 bộ do Trưởng khóm/ấp lưu giữ, 01 bộ gửi đến UBND cấp xã tổng hợp trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Hồ sơ gồm: Biên bản cuộc họp (*Phụ lục số 01*); Danh sách hộ được thụ hưởng chính sách (*phụ lục 02, 2A, 2B, 2C*).

*** Tại cấp xã**

3. Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ của Trưởng khóm/ấp: UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ của các khóm/ấp, tổng hợp Danh sách hộ được thụ hưởng chính sách theo thứ tự ưu tiên, đề xuất các công trình nước sinh hoạt tập trung và niêm yết công khai tại nhà văn hóa hoặc nhà

sinh hoạt cộng đồng khóm/ấp và trụ sở UBND cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh xã (*nếu có*) trong thời gian 03 ngày làm việc.

Trong thời gian niêm yết công khai, trường hợp có khiếu nại, UBND cấp xã thực hiện phúc tra kết quả rà soát Danh sách hộ được thụ hưởng chính sách theo quy trình rà soát trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại; đồng thời, tiếp tục niêm yết công khai kết quả phúc tra tại Trụ sở UBND cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

4. Bước 4: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn niêm yết công khai: UBND cấp xã rà soát, thẩm định, tổng hợp lập 02 bộ hồ sơ: 01 bộ gửi về Phòng Dân tộc và Tôn giáo cấp huyện tổng hợp trình UBND cấp huyện phê duyệt, 01 bộ niêm yết công khai tại Trụ sở UBND cấp xã.

Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị hỗ trợ và kèm theo Danh sách (*Phụ lục 03, 03A, 03B, 03C*).

*** Tại cấp huyện**

5. Bước 5: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ của UBND cấp xã: Phòng Dân tộc và Tôn giáo cấp huyện chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan tổng hợp, thẩm định và trình UBND cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt Danh sách (*Phụ lục 04*) hộ được hỗ trợ chính sách và công trình nước sinh hoạt tập trung làm cơ sở để thực hiện các chính sách theo quy định; gửi Quyết định về Ban Dân tộc và Tôn giáo tỉnh để theo dõi, quản lý.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Rà soát lần đầu: Thực hiện rà soát danh sách cả giai đoạn 2021-2025. Đảm bảo danh sách hộ được phê duyệt về hỗ trợ nhà ở, đất ở phù hợp với tổng số lượng hộ thụ hưởng và công trình nước sinh hoạt tập trung theo Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh Bạc Liêu.

2. Rà soát hàng năm: Hằng năm, trên cơ sở biến động số lượng hộ đủ điều kiện/không đủ điều kiện được hỗ trợ, thực hiện rà soát danh sách bổ sung, đưa ra khỏi danh sách hộ được hỗ trợ chính sách theo đúng quy định và *hoàn thành trước ngày 01 tháng 11 hàng năm*.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc và Tôn giáo

Theo dõi, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Quy định này; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất của địa phương trong quá trình thực hiện và tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo đúng quy định.

2. Sở Xây dựng

Hướng dẫn quy trình thực hiện, đề xuất các mẫu nhà ở và vật liệu áp dụng tại địa phương đảm bảo yêu cầu về diện tích tối thiểu là 30m², về chất lượng “3 cứng” (*nền-móng cứng, khung-tường cứng, mái cứng*) và tuổi thọ căn nhà từ 20

năm trở lên theo khoản 1, Điều 7, Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc; điểm c, khoản 5, mục III, Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng để UBND các huyện, thị xã, thành phố làm căn cứ để tổ chức rà soát, phê duyệt và tổ chức thực hiện theo Quy định này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Theo chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ hướng dẫn đối với nội dung hỗ trợ đất ở theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ nội dung Quy định này có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức rà soát, phê duyệt danh sách đối tượng hỗ trợ đất ở, nhà ở, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt theo đúng quy định.

Trên đây là Quy định về Quy trình rà soát, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ thuộc Dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, thì báo cáo về Ban Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN.....
KHÓM/ẤP...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-...

....., ngày tháng năm 202...

BIÊN BẢN

V/v thống nhất kết quả rà soát, phê duyệt danh sách hộ được hỗ trợ chính sách về đất ở, nhà ở, đất sản xuất/chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán thuộc Dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 (năm...) trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

Hôm nay, vào lúc ... giờ, ngày ... tháng ... năm ... tại khóm/ấp ... đã tổ chức cuộc họp thống nhất kết quả rà soát, phê duyệt danh sách hộ được hỗ trợ chính sách về đất ở, nhà ở, đất sản xuất/chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán trên địa bàn khóm/ấp.

I. THÀNH PHẦN:

- Chủ trì cuộc họp: *(Ghi rõ họ tên, chức vụ)*
- Thư ký cuộc họp: *(Ghi rõ họ tên, chức vụ)*
- Các thành phần tham gia *(Ghi rõ số lượng, họ và tên, chức vụ)*
- + Đại diện Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn...

Ông/bà:

- + Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã:

Ông/bà:

- + Đại diện tổ chức đảng, đoàn thể của khóm/ấp:

Ông/bà:

Ông/bà:

Ông/bà:

- + Đại diện hộ gia đình tham gia: hộ nghèo DTTS trên tổng số hộ hộ nghèo DTTS của khóm/ấp.

Tổng số người tham gia cuộc họp: người.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Phổ biến nội dung họp và lấy ý kiến

- Cuộc họp đã nghe Ông/bà; Chức vụ: ... phổ biến tiêu chí quy định xác định đối tượng hộ được thụ hưởng chính sách về đất ở, nhà ở, đất sản xuất/chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán thuộc Dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

- Lấy ý kiến thành viên dự họp về kết quả rà soát danh sách hộ được thụ hưởng chính sách về đất ở, nhà ở, đất sản xuất/chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán giai đoạn 2021-2025/năm...

2. Kết quả cuộc họp: Các thành viên dự họp thống nhất kết quả rà soát danh sách hộ được thụ hưởng chính sách về đất ở, nhà ở, đất sản xuất/chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán trên địa bàn khóm/ấp... giai đoạn 2021-2025/năm... thuộc Dự án 1, cụ thể như sau:

- Hộ trợ đất ở: ... hộ.
- Hộ trợ nhà ở: ... hộ.
- Hộ trợ chuyển đổi nghề: ... hộ.
- Hộ trợ nước sinh hoạt phân tán: ... hộ.

(Kèm theo danh sách chi tiết)

Ý kiến khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Cuộc họp kết thúc vào lúc ... giờ ... phút cùng ngày và có đọc cho thành viên dự họp cùng nghe. Đại diện các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản; biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu giữ tại khóm/ấp, 01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã./.

ĐẠI DIỆN ỦY BAN MTTQVN XÃ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHÓM/ẤP (CHỦ TRÌ)
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CẤP ỦY CHI BỘ
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN HỘ DÂN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN HỘ DÂN
(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH

Hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt giai đoạn 2021-2025/năm... trên địa bàn khóm/ấp...

1. **Đối tượng:** Hộ nghèo dân tộc thiểu số.
2. **Phạm vi:** Xã vùng đồng bào DTTS (Quyết định 861/QĐ-TTg)

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Quyết định hộ nghèo	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ (ấp, xã)	Nội dung hỗ trợ								Kết quả bình xét (Số đồng ý/tổng số)	Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có)	Ghi chú
		Nam	Nữ					Đất ở		Nhà ở		Chuyển đổi nghề		Nước sinh hoạt phân tán				
								Hỗ trợ	Vay vốn	Hỗ trợ	Vay vốn	Hỗ trợ	Vay vốn	Hỗ trợ	Vay vốn			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1																		
2																		
3																		
4																		
...																		

*Ghi chú:

- Cột 7: Ghi cụ thể nghề nghiệp hiện nay, kể cả những hộ nghèo được giao bảo vệ và phát triển rừng.
- Cột 9,10,11,12,13,14,15,16: Đánh dấu X vào nội dung hỗ trợ.
- Việc xác định hộ được thụ hưởng đất ở (cột 9) phải gắn với hỗ trợ nhà ở (cột 11).
- Cột 13,14: Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề chỉ áp dụng đối với hộ làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp và không có hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên.
- Cột 10, 12, 14, 16: Thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.
- Hộ được xác định hỗ trợ nhà ở (cột 11), tiếp tục rà soát, xác định phương thức thực hiện hỗ trợ theo phụ lục 2A.
- Hộ được xác định hỗ trợ chuyển đổi nghề (cột 13), tiếp tục rà soát, xác định phương thức thực hiện hỗ trợ theo phụ lục 2B.
- Hộ được xác định hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (cột 15), tiếp tục rà soát, xác định phương thức thực hiện hỗ trợ theo phụ lục 2C.

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHÓM/ẤP
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ

Phụ lục số 02A

DANH SÁCH

Hộ gia đình đăng ký phương thức xây dựng nhà ở giai đoạn 2021-2025/năm... trên địa bàn khóm/ấp...

1. **Đối tượng:** Hộ nghèo dân tộc thiểu số.
2. **Phạm vi:** Xã vùng đồng bào DTTS (Quyết định 861/QĐ-TTg)

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Quyết định hộ nghèo	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ (ấp, xã)	Mẫu nhà áp dụng	Đăng ký vật liệu để xây mới nhà ở (loại vật liệu)			Phương thức xây dựng nhà ở		Nhu cầu vay vốn	Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có)	Ký cam kết thực hiện xây mới nhà ở theo quy định	Ghi chú
		Nam	Nữ						Nền-móng cứng	Khung-tường cứng	Mái cứng	Đề nghị tổ chức, đoàn thể xây dựng nhà ở	Tự xây dựng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1																	
2																	
3																	
4																	
...																	

*Ghi chú:

- Cột 10,11,12: Đăng ký vật liệu xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn 3 cứng của Bộ Xây dựng.
- Cột 13: Chỉ áp dụng đối với hộ nghèo DTTS thuộc đối tượng bảo trợ xã hội; có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật).

THỦ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHÓM/ẤP
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ

Phụ lục số 02B

DANH SÁCH

Hộ gia đình đăng ký phương thức hỗ trợ chuyển đổi nghề giai đoạn 2021-2025/năm... trên địa bàn khóm/ấp...

1. **Đối tượng:** Hộ nghèo dân tộc thiểu số.

2. **Phạm vi:** Xã vùng đồng bào DTTS (Quyết định 861/QĐ-TTg)

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Quyết định hộ nghèo	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ (ấp, xã)	Phương thức thực hiện chuyển đổi nghề				Nhu cầu vay vốn	Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có)	Ký cam kết thực hiện theo quy định	Ghi chú
		Nam	Nữ					Mua sắm máy móc, nông cụ, làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp	Học nghề	Chuyển sang làm ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất khác	Kinh doanh khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14	15	16	17
1															
2															
3															
4															
...															

*Ghi chú:

- Cột 10,11,12,13: Đánh dấu X vào ô tương ứng.

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHÓM/ẤP
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ

Phụ lục số 02C

DANH SÁCH

Hộ gia đình đăng ký phương thức hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán giai đoạn 2021-2025/năm... trên địa bàn khóm/ấp...

1. Đối tượng: Hộ nghèo dân tộc thiểu số.
2. Phạm vi: Xã vùng đồng bào DTTS (Quyết định 861/QĐ-TTg)

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Quyết định hộ nghèo	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ (ấp, xã)	Phương thức thực hiện hỗ trợ nước sinh hoạt				Nhu cầu vay vốn	Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có)	Ký cam kết thực hiện theo quy định	Ghi chú
		Nam	Nữ					Đào giếng	Mua vật dụng dẫn nước, chứa nước (lu, bồn, téc...)	Tự làm bể chứa nước	Tự tạo nguồn nước khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14	15	16	17
1															
2															
3															
4															
...															

*Ghi chú:
- Cột 10,11,12,13: Đánh dấu X vào ô tương ứng.

THỦ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHÓM/ẤP
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ

Phụ lục số 03A

DANH SÁCH

Hộ gia đình đăng ký phương thức xây dựng nhà ở giai đoạn 2021-2025/năm... trên địa bàn xã ...

1. **Đối tượng:** Hộ nghèo dân tộc thiểu số.

2. **Phạm vi:** Xã vùng đồng bào DTTS (Quyết định 861/QĐ-TTg)

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Quyết định hộ nghèo	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ (ấp, xã)	Mẫu nhà áp dụng	Đăng ký vật liệu để xây mới nhà ở (loại vật liệu)			Phương thức xây dựng nhà ở		Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có)	Ghi chú
		Nam	Nữ						Nền-móng cứng	Khung-tường cứng	Mái cứng	Đề nghị tổ chức, đoàn thể xây dựng nhà ở	Tự xây dựng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1															
2															
3															
4															
...															

*Ghi chú:

- Cột 10.11.12: Đăng ký vật liệu xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn 3 cứng của Bộ Xây dựng.

- Cột 13: Chỉ áp dụng đối với hộ nghèo DTTS thuộc đối tượng bảo trợ xã hội; có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật).

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ...

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ

Phụ lục số 03B

DANH SÁCH

Hộ gia đình đăng ký phương thức hỗ trợ chuyển đổi nghề giai đoạn 2021-2025/năm... trên địa bàn xã ...

1. **Đối tượng:** Hộ nghèo dân tộc thiểu số.

2. **Phạm vi:** Xã vùng đồng bào DTTS (Quyết định 861/QĐ-TTg)

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Quyết định hộ nghèo	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ (ấp, xã)	Phương thức thực hiện chuyển đổi nghề				Nhu cầu vay vốn	Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có)	Ghi chú
		Nam	Nữ					Mua sắm máy móc, nông cụ, làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp	Học nghề	Chuyển sang làm ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất khác	Kinh doanh khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14	15	16
1														
2														
3														
4														
...														

*Ghi chú:

- Cột 10,11,12,13: Đánh dấu X vào ô tương ứng.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ...

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ

Phụ lục số 03C

DANH SÁCH

Hộ gia đình đăng ký phương thức hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán giai đoạn 2021-2025/năm... trên địa bàn xã ...

1. **Đối tượng:** Hộ nghèo dân tộc thiểu số.
2. **Phạm vi:** Xã vùng đồng bào DTTS (Quyết định 861/QĐ-TTg)

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Quyết định hộ nghèo	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ (ấp, xã)	Phương thức thực hiện hỗ trợ nước sinh hoạt				Nhu cầu vay vốn	Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có)	Ghi chú
		Nam	Nữ					Đào giếng	Mua vật dụng dẫn nước, chứa nước (lu, bồn, téc...)	Tự làm bể chứa nước	Tự tạo nguồn nước khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14	15	16
1														
2														
3														
4														
...														

*Ghi chú:
- Cột 10,11,12,13: Đánh dấu X vào ô tương ứng.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ...
(Ký, ghi rõ họ tên)